

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:11

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Divisha Naveen		Saraastha Singh		IND		IND		IND		IND	
FED IND		FED IND		FED IND		FED IND		FED IND		FED IND	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		21		41		61		81		101	
c4		c5		Rf5		Rd4		Rf5		Rd4	
d4		cd4		f3		Rd2+		f3		Rd2+	
c3		dxc3		K93		Rd1+		K93		Rd1+	
Nxc3		Nc6		Rd8		Rd8		Rd8		Rd8	
Nf3		d6		K93		Rd1		K93		Rd1	
Bc4		e6		Kh4		Rg1+		Kh4		Rg1+	
o		Nf6		Kf4		Rh1		Kf4		Rh1	
Bf4		Be7		h5		K97		h5		K97	
Qe2		o		h6+		K96		h6+		K96	
h3		d5		Rh5		Rh5		Rh5		Rh5	
(Rfd1)		Bd7		g5		Kxh6		g5		Kxh6	
dxc5		exd5		Kf5		Kh5		Kf5		Kh5	
Nxd5		Nxd5		K96		OKh6		K96		OKh6	
Bxd5		Rc8		Kf5		Kh7		Kf5		Kh7	
Bxc6		Rxc6		f5		K98		f5		K98	
Ne5		Re6		Ke7		K97		Ke7		K97	
Qf3		Bd6		f6+		K96		f6+		K96	
Qxb7		Bxe5		f7		Kf5		f7		Kf5	
Bxe5		Rxe5		f8-Q+		Ke5		f8-Q+		Ke5	
Qxh7		Qh6		Qf6+		Kh5		Qf6+		Kh5	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:11

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Divisha Naveen		Saraastha Singh		IND		IND		IND		IND	
FED IND		FED IND		FED IND		FED IND		FED IND		FED IND	
RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		21		41		61		81		101	
c4 1:30		e5 1:30		Rf5		Rd4		Rf5		Rd4	
d4 1:30		cd4 1:30		f3		Rd2+		f3		Rd2+	
c3 1:29		dxc3 1:29		K93		Rd1+		K93		Rd1+	
Nxc3 1:29		Nc6 1:29		Rd8		Rd8		Rd8		Rd8	
Nf3 1:29		d6 1:29		K93		Rd1		K93		Rd1	
Bc4 1:29		e6 1:29		Kh4		Rg1+		Kh4		Rg1+	
o 1:29		Nf6 1:29		Kf4		Rh1		Kf4		Rh1	
Bf4 1:29		Be7 1:29		h5		K97		h5		K97	
Qe2 1:29		o 1:29		h6+		K96		h6+		K96	
h3 1:27		d5 1:18		Rh5		Rh5		Rh5		Rh5	
(Rfd1) 1:26		Bd7 1:26		g5		Kxh6		g5		Kxh6	
dxc5 1:26		exd5 1:26		Kf5		Kh5		Kf5		Kh5	
Nxd5 1:26		Nxd5 1:26		K96		OKh6		K96		OKh6	
Bxd5 1:26		Rc8 1:26		Kf5		Kh7		Kf5		Kh7	
Bxc6 1:26		Rxc6 1:26		f5		K98		f5		K98	
Ne5 1:26		Re6 1:26		Ke7		K97		Ke7		K97	
Qf3 1:26		Bd6 1:26		f6+		K96		f6+		K96	
Qxb7 1:26		Bxe5 1:26		f7		Kf5		f7		Kf5	
Bxe5 1:26		Rxe5 1:26		f8-Q+		Ke5		f8-Q+		Ke5	
Qxh7 1:26		Qh6 1:26		Qf6+		Kh5		Qf6+		Kh5	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:55
Group **G8**
Round **9**
Date **24.08.26** Board **2**

WHITE Nguyen Duc Huynh My				BLACK Gasaeva Aiat				FED VIE				RESULT (N)			
FED Rus				RESULT (O)				1				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	D4	D5	21	Rc5	Rb5	41									
2	Nf3	Nf6	22	Nc6	Na5	42									
3	g3	c5	23	Nb7	Nc3	43									
4	c4	dc	24	av	Ne2+	44									
5	Bg2	e6	25	Ke1	Nb3	45									
6	0-0	Nce	26	Nb8	Nd5	46									
7	Qa4	cd	27	Ke2	Kf8	47									
8	Nd4	Qd4	28	Kd3	Ke7	48									
9	Bc6+	Bd7	29	Kc4	Kd6	49									
10	Qd1	Bc6	30	H4	Kc4	50									
11	Qc8	bc	31	Kc5	Kc6	51									
12	Rd4	c5	32	A5	g5	52									
13	Rc4	Bd6	33	H4	R5	53									
14	Be3	A5	34	b5	Kc7	54									
15	Nc3	0-0	35	b6+	Kc6	55									
16	Nd4	Rd6	36	b7	Kc7	56									
17	b3	Rfc8	37	ag	Kb6	57									
18	Rd1	Rb5	38	Kb5	Kb5	58									
19	Bc5	Bc5	39	A4		59									
20	Rc5	Rd6	40			60									
SIGNATURE (WHITE) MY				SIGNATURE (BLACK) Aiat				SIGNATURE (ARBITER) An							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:55
Group **G8**
Round **9**
Date **24.08.26** Board **2**

WHITE Nguyen Duc Huynh My				BLACK Gasaeva Aiat				FED VIE				RESULT (N)			
FED Rus				RESULT (O)				1				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Rc5	Rb5	41									
2	Nf3	Nf6	22	Nc6	Na5	42									
3	g3	c5	23	Nb7	Nc3	43									
4	c4	dc4	24	av	Ne2+	44									
5	Bg2	e6	25	Ke1	Nc3	45									
6	0-0	Nb6	26	Na5	Nd5	46									
7	Qa4	cd4	27	Ke2	Ke8	47									
8	Nd4	Qd4	28	Kd3	Ke7	48									
9	Bc6+	Bd7	29	Kc4	Kd6	49									
10	Rd1	Bc6	30	Nb2+	Kc7	50									
11	Qc8	bc	31	Nc5	Kc6	51									
12	Rd4	c5	32	a5	g5	52									
13	Rc4	Bd6	33	b4	h5	53									
14	Be3	a5	34	b5+	Kc7	54									
15	Nc3	0-0	35	b6+	Ke6	55									
16	Nd4	Rd6	36	b7	Kc7	56									
17	b3	Rfc8	37	ag	Kb6	57									
18	Rd1	Rb5	38	Kb5	Kb5	58									
19	Bc5	Bc5	39	A4		59									
20	Rc5	Rd6	40			60									
SIGNATURE (WHITE) MY				SIGNATURE (BLACK) Aiat				SIGNATURE (ARBITER) An							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24.7.2026 Board 3

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Vo Lan Khue				Tao, Hongyu				1507				6			
								1507				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	MF6	21	a3	1:06	MF6	410	21	MF6	b5					
2	c4	e6	22	xc8	1:01	xc8	1:02	42	q65	MF6					
3	MF3	d5	23	xc1	1:59	He8	53	43	MF5	VF8					
4	g3	Tb4	24	Xc2	38	q55	53	44	Vk3	Vc7					
5	Td2	Te7	25	MF6	d3	Ta6	50	45	MF6	Vb3					
6	Tg2	1:30	C6	1:32	T	MF5	3	46	Vb3	MF6					
7	Q-O	1:30	Q-O	1:31	xc8	30	Hc8	42	47	Vb3	VF				
8	Hc2	1:30	b6	1:32	MF4	48	h029	48	48	Vc3	VF6				
9	b3	1:30	MF6	1:32	T	1:34	5	49	49	Vb3	VF6				
10	cd5	1:29	cd5	1:32	Ta6	44	Hc8	28	50	Vc5	VF6				
11	Mc3	1:28	Ta6	1:32	Hc2	43	MF6	51	51	MF6	Vc6				
12	Xf6	1:27	xc8	1:32	MF6	34	MF6	52	52	MF6	VF6				
13	Hb2	1:24	Tb4	1:23	Qd4	40	MF6	25	53	Vc7	VF6				
14	q3	1:21	Te7	1:20	Hc1	39	Hc8	23	54	Vb3	VF6				
15	Ma2	1:19	Me4	1:19	Hc2	32	Hc2	21	55	Vb3	VF6				
16	Tb4	1:17	Tb4	1:16	HL	233	Hb2		56	Vb3	VF6				
17	MF6	1:17	Tb7	1:16	MF6		MF6		57						
18	xc1	1:14	He7	1:14	MF6		MF6		58						
19	h4	1:10	MF6	1:11	VF1		MF6		59						
20	Me5	1:08	MF6	1:02	Vc2		MF6		60						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
				Tao, Hongyu				SA							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24.7.24 Board 3

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Vo Lan Khue				Tao, Hongyu				VF6				0			
								VF6				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	MF6	21	e3	MF6	41	MF6	b5							
2	c4	e6	22	xc8	1:01	xc8	1:02	42	q65	MF6					
3	MF3	d5	23	xc1	1:59	He8	53	43	MF5	VF8					
4	g3	Tb4	24	Xc2	38	q55	53	44	Vk3	Vc7					
5	Td2	Te7	25	MF6	d3	Ta6	50	45	MF6	Vb3					
6	Tg2	1:30	C6	1:32	T	MF5	3	46	Vb3	MF6					
7	Q-O	1:30	Q-O	1:31	xc8	30	Hc8	42	47	Vb3	VF				
8	Hc2	1:30	b6	1:32	MF4	48	h029	48	48	Vc3	VF6				
9	b3	1:30	MF6	1:32	T	1:34	5	49	49	Vb3	VF6				
10	cd5	1:29	cd5	1:32	Ta6	44	Hc8	28	50	Vc5	VF6				
11	Mc3	1:28	Ta6	1:32	Hc2	43	MF6	51	51	MF6	Vc6				
12	Xf6	1:27	xc8	1:32	MF6	34	MF6	52	52	MF6	VF6				
13	Hb2	1:24	Tb4	1:23	Qd4	40	MF6	25	53	Vc7	VF6				
14	q3	1:21	Te7	1:20	Hc1	39	Hc8	23	54	Vb3	VF6				
15	Ma2	1:19	Me4	1:19	Hc2	32	Hc2	21	55	Vb3	VF6				
16	Tb4	1:17	Tb4	1:16	HL	233	Hb2		56	Vb3	VF6				
17	MF6	1:17	Tb7	1:16	MF6		MF6		57						
18	xc1	1:14	He7	1:14	MF6		MF6		58						
19	h4	1:10	MF6	1:11	VF1		MF6		59						
20	Me5	1:08	MF6	1:02	Vc2		MF6		60						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
				Tao, Hongyu				SA							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24 Jul Board 4

WHITE				BLACK				
Yang Peilin				Zhu Xianshuo				
FED CHN				FED CHN				
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1			21	b3	a5	41	Rb5	Ra5
2	a1a	14a	22	Bc3	ab	42	Ra5	Ba5
3	Rb5	9a	23	a4	14d	43	Rb3	Ra2
4	a2	B97	24	Qd4	a97	44	Rb7	K97
5	c	1:27.50 148	25	Qb2	94d	45	Ra7	Ra4
6	Ra1	a-a	26	b4	Qd4	46	Kc2	Ra3
7	da	da	27	Qab	Ba6	47	f3	Bb4
8	es	14a	28	Rb1	ag	48	Ra3	Ba3
9	Ra3	a	29	Rb4	Rb8	49	Kf2	f6
10	a	1:16.52 566	30	Qd4	Qg5	50	f4	te
11	Bc6	Qa6	31	Lh2	Rg8	51	te	Kg6
12	14a0	B9a	32	Rb3	Rc4	52	Kf5	Bb2
13	b3	14d	33	Ra1	Rg8	53	Ke3	Kg5
14	Bc4	Ra5	34	Ro3	Qd4	54	Kf3	Bd4
15	B14	1:06.30 46	35	Qd4	Bd4	55	h4	Kd5
16	R27	Qb5	36	g3	Bc1	56	Kc4	Ba1
17	a3	Ra8	37	Ra1	Rc3	57	Kc3	Kg4
18	Qb2	Qd7	38	Rb6	Rc2	58	Kf2	Bc5
19	N14	b5	39	Kg1	Bd2	59	Kg2	Bg3
20	14c	B5.01 47	40	Ra3	Ra8	60	Kc4	f4
SIGNATURE (WHITE) yang Peilin				SIGNATURE (BLACK) Zhu Xianshuo				
				SIGNATURE (ARBITER) C				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/27 Board 4

WHITE				BLACK					
yang-Peilin				zhu. xianshuo					
FED CHN				FED CHN					
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	b3	a5	41	Ra5	Ra5	
2	Nf3	Nc6	22	Bc3	Qb	42	Ba5	Rb3	
3	Bb5	g6	23	a4	Kh8	43	Ra2	Rb7	
4	O-O	Bg7	24	Qd4	Qe7	44	Kg7	Ra7	
5	c3	Nf6	25	Qd2	Rg8 Rg8	45	Ra4	Kg2	
6	Re1	O-O	26	b4	Qh4	46	Ra3	f3	
7	d4	d5	27	Qd3	Bh6	47	Bb4	Ra3	
8	e5	Ne4	28	Rb1	ab	48	Ba3	Kf2	
9	Be3	cd	29	Rb4	Rb8	49	f6 f6	f4	
10	cd	Qb6	30	Qf3	Qg5	50	fe	fe	
11	Bb6	Qb6	31	Kh2	Rc8	51	Kg6	Kf3	
12	Nb2	Bg4	32	Rb3	Rc4	52	Bb2	Ke3	
13	h3	Nd2	33	Ra1	Rc8	53	Kg5	Kf3	
14	Bd2	Bt5	34	Ra3	Qd4	54	Bd4	a4	
15	Bb4	Rte8	35	Qd4	Bg3	55	Kh5	Kf4	
16	Rc1	g5	36	Bc1	Ra1	56	Ba1	Ke3	
17	Q3	Rac8 Rac8	37	Ra3	Rb6	57	Kg4	Kf2	
18	Qd2	Qd7	38	Rc2	Kg1	58	Be5	Kb2	
19	Nh4	b6	39	Bd2	Ra3	59	Bg3	Kf1	
20	Nt5	g7	40	Ra8	Rb5	60	f4	Kb2	
SIGNATURE (WHITE) yang-Peilin				SIGNATURE (BLACK) 朱先舒				SIGNATURE (ARBITER) sr	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.02.24

Group 68
Round 9
Board 5

WHITE				BLACK				FED	CHN	RESULT (W)	RESULT (B)
Huyunh Boop Kim				Kim				FED	CHN	RESULT (W)	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	f4	Qb6	41	h4	Rb8			
2	d4	d5	22	Kh2	Rc4	42	Ra1	R4c8			
3	ed	cd	23	Re1	Re4	43	Ra4	Ra8			
4	Bd3	Nc6	24	Bh4	Qc6	44	Ra2	Rab8			
5	c3	Nf6	25	Bf2	ab	45	ab	ab			
6	h3	g6	26	Bd4	Qd7	46	Ra7	Rc6			
7	Bf4	Bf5	27	Rc2	b5	47	Kh3	Kh8			
8	Nf3	Bxd3	28	B3	R4c6	48	Ra3	Rc4			
9	Qxd3	Bg7	29	Re1	Bf8	49	Ra8	R4c8			
10	0-0	0-0	30	b4	Rc4	50	Qa2	Bxb4			
11	Nbd2	Qb6	31	Qf2	Qd8	51	Rxb8	Rxb8			
12	Nb3	Ne4	32	g4	Bg7	52	cb	Qg8			
13	Ne5	Nxe5	33	f5	Qg5	53	Rc3	Kh7			
14	de	e6	34	f6	Bh6	54	Qa7	Ra8			
15	Rac1	Nc5	35	Rf1	Bf8	55	Qe7	Ra3			
16	Nxc5	Qxc5	36	Re2	N5	56	Rxa3	Qe8			
17	Qd2	Rtd8	37	Rg1	Qh6	57	Ka7	Qb8			
18	Rtd1	Ra8	38	Be3	Qh7	58	Qx7f7				
19	a3	a7	39	Bd4	Rb8	59					
20	Bb5	Re8	40	Rb5	Rb7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Huyunh Boop Kim				Kim				CA			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 88
Round 9
Board 5

WHITE			BLACK			FED	RESULT (W)	RESULT (B)
Huyunh Boop Kim						FED		0
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rb4	Qb6	41	Rb4	Rb8
2	d4	d5	22	Kh2	Rc4	42	Ra1	R4c8
3	ed5	cd5	23	Re1	Re4	43	Ra2	Re8
4	b4	Nc6	24	b4	Qc6	44	Rb7	h4
5	c3	Nf6	25	b4	Ag	45	Rb8	Na7
6	h3	g6	26	b4	Qd7	46	Na8	A4
7	b4	b4	27	Rc2	b5	47	Na8	Na1
8	Na3	b4	28	b3	R4c6	48	h3	Rb5
9	Qxd3	bg7	29	Re1	b4	49	Ab5	Na2
10	O-O	O-O	30	b4	Rc4	50	Rc6	A43
11	Nd2	Qb6	31	R2	Qd8	51	Kh8	Na3
12	Nb3	Ne4	32	g4	bg7	52	Rc4	Na8
13	Ne5	Nxe5	33	f5	Re5	53	Rc2	Re2
14	d4	e6	34	R6	b4	54	b4	Na8
15	Na1	Nc5	35	R1	b4	55	Na8	C6
16	Nxc5	Qxc5	36	Re2	h5	56	Qd3	Rc3
17	Qd2	Re8	37	Ng1	Qh6	57	Kh7	Qh7
18	Rd1	R4c8	38	be3	Qh7	58	Qe7	Na3
19	A3	Qc7	39	b4	Rb8	59	Na3	Qd8
20	b5	Re8	40	Qd1	Qb6	60	Na7	Qb8
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Huyunh Boop Kim			Kim			SA		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group C6							
Round 9							
Date 2026.7.24							
Board 6							
WHITE Zheng Jintian				FED CHN		RESULT (W) 0	
BLACK Azimzadeh, Nikki				FED IRI		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	b3	e5	21	g6	h5	41	h4
2	Bb2	Nf6	22	d4	g5	42	g4
3	e3	g5	23	e7	h4	43	g5
4	Bb5	h6	24	d5	g4	44	h5
5	f4	g7	25	g4	h5	45	h4
6	Nb3	h7	26	g5	h4	46	h5
7	h3	Nh6	27	h5	g4	47	h4
8	h4	Bg5	28	h3	h4	48	h5
9	Bg5	Bb3	29	h4	h5	49	h3
10	g5	h5	30	h5	h4	50	h4
11	Nb3	h6	31	h4	h5	51	h5
12	Bb3	h5	32	h5	h4	52	h5
13	h3	h6	33	h4	h5	53	h4
14	h4	h5	34	h5	h4	54	h5
15	h5	h4	35	h4	h5	55	h4
16	h4	h5	36	h5	h4	56	h5
17	h5	h4	37	h4	h5	57	h4
18	h4	h5	38	h5	h4	58	h5
19	h5	h4	39	h4	h5	59	h4
20	h4	h5	40	h5	h4	60	h5
SIGNATURE (WHITE) Zheng Jintian				SIGNATURE (BLACK) [Signature]		SIGNATURE (ARBITER) SM	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G-8							
Round 9							
Date							
Board 6							
WHITE Zheng Jintian				FED CHN		RESULT (W) 0	
BLACK Nikki Azimzadeh				FED IRI		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	b3	e5	21	g6	h5	41	h4
2	Bb2	Nf6	22	d4	g5	42	g4
3	e3	g5	23	e7	h4	43	g5
4	Bb5	h6	24	d5	g4	44	h5
5	f4	g7	25	g4	h5	45	h4
6	Nb3	h7	26	g5	h4	46	h5
7	h3	Nh6	27	h5	g4	47	h4
8	h4	Bg5	28	h3	h4	48	h5
9	Bg5	Bb3	29	h4	h5	49	h3
10	g5	h5	30	h5	h4	50	h4
11	Nb3	h6	31	h4	h5	51	h5
12	Bb3	h5	32	h5	h4	52	h5
13	h3	h6	33	h4	h5	53	h4
14	h4	h5	34	h5	h4	54	h5
15	h5	h4	35	h4	h5	55	h4
16	h4	h5	36	h5	h4	56	h5
17	h5	h4	37	h4	h5	57	h4
18	h4	h5	38	h5	h4	58	h5
19	h5	h4	39	h4	h5	59	h4
20	h4	h5	40	h5	h4	60	h5
SIGNATURE (WHITE) Zheng Jintian				SIGNATURE (BLACK) [Signature]		SIGNATURE (ARBITER) SM	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 20260711 Board 7

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Nurmuhammet SARA		A. Lamsajanyeva MOKHIMUR		FED KGZ		FED UZB		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
e4		c5		f6		Kc6		Kc6		Kc6	
c3		Kf6		Jc6		C67		Kf6		Kf6	
d5		Kd5		Jc3		C64		Kd5		Kd5	
Kf3		Kf6		Bf4		Kc6		Kf6		Kf6	
c4		Kf6		Kf1		Cf3		Kf6		Kf6	
c63		c6		Jf3		Jd4		Jf3		Jf3	
d4		Cd		Jc3		Jd4		Jc3		Jc3	
c2		d4		Jf3		Kf6		Jf3		Jf3	
c2		-ed2		Jf1		Jd4		Jf1		Jf1	
f2		f2		Kf		Kf		Kf		Kf	
Kf3		d6		C61		Jf6		Kf3		Kf3	
d2		f2		Jf6		Jd4		d2		d2	
d2		d2		Jc8		Kf6		d2		d2	
Q3		Jd4		Jd4		Jd4		Q3		Q3	
Jd4		Kf6		Jc1		Jd4		Jd4		Jd4	
c2		Kf6		Jd4		Kf1		c2		c2	
Kf2		d4		C62		Jd4		Kf2		Kf2	
Kf4		Kf6		Kf2		Kf6		Kf4		Kf4	
Jd4		Kf6		Kf3		Kf6		Jd4		Jd4	
Kf3		Kf6		Kf3		Kf6		Kf3		Kf3	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 20260711 Board 7

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
SARA		MOKHIMUR		FED KGZ		FED UZB		RESULT (W)		RESULT (B)	
1		2		3		4		5		6	
e4		c5		Kc6		Kc6		e4		e4	
c3		Kf6		Jc6		C67		c3		c3	
c5		Kd5		Jc3		C64		c5		c5	
Kf3		Kf6		Bf4		Kc6		Kf3		Kf3	
c4		Kf6		Kf1		Cf3		c4		c4	
c63		c6		Jf3		Jd4		c63		c63	
d4		Cd		Jc3		Jd4		d4		d4	
c2		d4		Jf3		Kf6		c2		c2	
c2		-ed2		Jf1		Jd4		c2		c2	
f2		f2		Kf		Kf		f2		f2	
Kf3		d6		C61		Jf6		Kf3		Kf3	
d2		f2		Jf6		Jd4		d2		d2	
d2		d2		Jc8		Kf6		d2		d2	
Q3		Jd4		Jd4		Jd4		Q3		Q3	
Jd4		Kf6		Jc1		Jd4		Jd4		Jd4	
c2		Kf6		Jd4		Kf1		c2		c2	
Kf2		d4		C62		Jd4		Kf2		Kf2	
Kf4		Kf6		Kf2		Kf6		Kf4		Kf4	
Jd4		Kf6		Kf3		Kf6		Jd4		Jd4	
Kf3		Kf6		Kf3		Kf6		Kf3		Kf3	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE									
BLACK									
Li Fong chow									
Boimbat Jivardi shanaga de gha									
NZL									
SET									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Rxb2	Bf6	41	Bf7	BC5	
2	C4	e6	22	Rbcl2	Rcd8	42	Bd5	Bd4	
3	Nf3	b6	23	NC2	Rd6	43	Bf7	BC5	
4	B3	Bb7	24	Rd3	Red8	44	g5	fxg5	
5	Bg2	C5	25	Nb4	Be7	45	hxg5	hxg5	
6	e3	Be7	26	Nxd5	Bxd5	46	Kg4	Des	
7	O-O	O-O	27	Rxd5	Rxd5	47	Bd5	Bf4	
8	NC8	d5	28	Rxd5	Rxd5	48	BC6	BC3	
9	Qc2	Nbd7	29	Qxd5	Q5	49	Bd5	Bf4	
10	b3	Re8	30	Kg2	Kf8	50	BC6	Be3	
11	Bb2	a6	31	Kf3	f6	51	Bd5	Bf4	
12	a4	Qc7	32	e4	Ice8	52			
13	Rfe1	d5	33	icf4	Bd6+	53			
14	cxds	Nxd5	34	Kg4	ke7	54			
15	Nxd3	exd5	35	f4	BC5	55			
16	Jxc5	Qxc5	36	f5	Bg1	56			
17	Qxc5	Nxc5	37	h3	Bd4	57			
18	Nd4	Nd3	38	Kf3	Kd6	58			
19	Re2	Rac8	39	g1	kes	59			
20	Rac1	Nxb2	40	h4	h6	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Fiona			F. W.			SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE									
BLACK									
Li Fong									
Boimbat Jivardi shanaga de gha									
NZL									
SET									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Bb1 Rd1	Na Rd8	41	Ed5	Bd4	
2	C4	e6	22	Rd1 Nc2	Na Rd6	42	Bf7	BC5	
3	Nf3	b6	23	Rd3	Rd8	43	g5	fxg5	
4	B3	Bb7	24	Nb4	Be7	44	hxg5	hxg5	
5	Bg2	C5	25	Nxd5	Ed5	45	Kg4	Bo3	
6	e3	Be7	26	Rd5	Rd5	46	Ed5	Bf4	
7	O-O	O-O	27	Rd5	Rd5	47	Ed5	Be2	
8	NC8	d5	28	Bxd5	a5	48	Bd5	Bf4	
9	Qc2	Nbd7	29	Kg2	Kf8	49	Ed5	Bo3	
10	b3	Re8	30	Kf3	f6	50	Bd5	Bf4	
11	Bb2	a6	31	e4	Ke8	51			
12	a4	Qc7	32	Kf4	Bd6+	52			
13	Rfe1	d5	33	Kg4	Kd7	53			
14	cxds	Nxd5	34	f5	BC5	54			
15	Nxd3	exd5	35	f5	Bg1	55			
16	Jxc5	Qxc5	36	h3	Bd4	56			
17	Qxc5	Nxc5	37	Kf3	Kd6	57			
18	Nd4	Nd3	38	g4	kes	58			
19	Re2	Rac8	39	h4	h6	59			
20	Rac1	Nxb2	40	R7	Bo5	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Fiona			F. W.			SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Shreyanshi				Lan Jia				IND				CHN			
FED				FED				FED				FED			
IND				CHN				IND				CHN			
RESULT (W)				RESULT (B)				RESULT (W)				RESULT (B)			
0				1				0				1			
#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%
1	04-1130	c6	21	RS2-101	Ba2	41	0g3	b5							
2	d4-130	d5	22	Rxe2-101	Qc4	42	Rc3	Ne7							
3	f3-130	0b6	23	Rd2-101	Qc3	43	Bf4	Nd5							
4	Nc3-132	dex4	24	Rc4-100	Qf6	44	Rf3	Nxf4							
5	Rxe4-132	05	25	Rab1-59	Rd8	45	Rxf4	Re2							
6	Nf3-132	exd4	26	Rf1-59	Qc3	46	h3	Rdd2							
7	Nx4-135	Nf6	27	Rb2-56	Rb2	47	Rg4	h5							
8	03-132	Bc5	28	0f2-54	Ne7	48	Rg3	h4							
9	Nax-138	0a5	29	Bd4-53	0d3	49	Rg4	g5							
10	b4-144	0x4	30	Bc3-52	Ng6	50	Rf1	Kg6							
11	bxc5-151	0-0	31	Rd1-51	Qc4	51	Ra1	f5							
12	05-151	Nd5	32	Rc1-150	Qd3	52	Rb4	Rg2							
13	Bc2-151	Ne3	33	0d6-149	Re2	53	Rf1	Rh2							
14	0d3-151	Nxe2	34	0f3-146	Qxf3	54	Rg1	Rh3							
15	Nex-151	Nd7	35	Bf6	Rd8	55	ax	bxax							
16	0-0-150	Nxe5	36	Rd1	f6	56	Rbxax	Rhax							
17	Qg3-150	Ng6	37	Rg3	xf7	57	Rf1	Rc1							
18	c3-150	Bef	38	Rb1	Rd7	58	Rc1	Rc1							
19	Bg5-103	h6	39	Rg03	b6	59	Kg2	g4							
20	Bc3-102	Rc4	40	exb6	axb6	60	Rd4	Kg5							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
88				lan jia				512							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Shreyanshi Jain				Lan Jia				IND				CHN			
FED				FED				FED				FED			
IND				CHN				IND				CHN			
RESULT (W)				RESULT (B)				RESULT (W)				RESULT (B)			
0				1				0				1			
#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%	#	WHITE	BLACK	%
1	04	c6	21	Rf2	Bc2	41	b5	Rc3							
2	d4	d5	22	Rc2	Qd4	42	Ne7	Rd4							
3	f3	0b6	23	Rc1	Qc3	43	Ne5	Rf3							
4	Nc3	0c4	24	Rd1	Qf6	44	Nf4	Rf4							
5	fex4	05	25	Rab1	Rxb8	45	Rc2	h3							
6	Nf3	0f4	26	Rf1	Qc3	46	Rd2	Rg4							
7	Nc4	Nf6	27	Rd1	Rd8	47	h5	Rg3							
8	Q3	Bc5	28	Rd1	Bd4	48	h4	Rd4							
9	Nx4	0a5	29	Qc3	Bc5	49	05	Rf1							
10	0f	0a4	30	Ng6	Rd1	50	Rg6	Rd1							
11	b5	0a4	31	Qc4	Rc1	51	f5	Rd1							
12	B3	Nd5	32	Qd3	Bd6	52		Rd2							
13	Bc2	Nc3	33	Rc2	Qf3	53	Kf1	Rh2							
14	Qc3	Nc2	34	Rd3	Rf3	54	Rg1	Rh3							
15	Nc2	Nc1	35	Rd3	Rf3	55	ax	bxax							
16	0-0	Nc5	36	f6	Rg3	56	Rbxax	Rhax							
17	Qg3-150	Ng6	37	Rg3	xf7	57	Rf1	Rc1							
18	c3-150	Bef	38	Rb1	Rd7	58	Rc1	Rc1							
19	Bg5-103	h6	39	Rg03	b6	59	Kg2	g4							
20	Bc3-102	Rc4	40	exb6	axb6	60	Rd4	Kg5							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
88				lan jia				512							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 9
Date 24
Board 10

WHITE Ysayewa Lagyn				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK 李超				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd1	Rd5	41					
2	c4	g6	22	Nb2	Rd1	42					
3	Nc3	Bg7	23	Nd1	Bf1	43					
4	e4	af6	24	Rf1	af6	44					
5	f3	o-o	25	af6	Rd3	45					
6	Bg5	es	26	Rf2	af3	46					
7	de	de	27	b5	Bb4	47					
8	ad3	Rd3	28			48					
9	Nd5	Nd7	29			49					
10	Nc7	Rb8	30			50					
11	Nd5	h6	31			51					
12	Be3	af6	32			52					
13	Ne2	Nd5	33			53					
14	cd	Nd7	34			54					
15	Nc1	b6	35			55					
16	Nd3	a5	36			56					
17	b4	Bb6	37			57					
18	a3	Nd5	38			58					
19	Bh6	Bh6	39			59					
20	ed	Rd3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 9
Date 24
Board 10

WHITE Ysayewa Lagyn				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Li Muyan				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kf6	21	Jad4	Jd5	41					
2	c4	g6	22	Kb2	Rd1	42					
3	Kc3	Cg7	23	Kd1	Cf1	43					
4	e4	d6	24	Jf2	af6	44					
5	f3	o-o	25	af6	Jd3	45					
6	Cg5	es	26	Jf2	Cf8	46					
7	de	de	27	b5	Cb4	47					
8	ad3	Rd3	28			48					
9	Nd5	Nd7	29			49					
10	Nc7	Rb8	30			50					
11	Nd5	h6	31			51					
12	Be3	af6	32			52					
13	Ne2	Nd5	33			53					
14	cd	Nd7	34			54					
15	Nc1	b6	35			55					
16	Nd3	a5	36			56					
17	b4	Bb6	37			57					
18	a3	Nd5	38			58					
19	Bh6	Bh6	39			59					
20	ed	Rd3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 9
Date 24.08.24
Board 11

APYZALIEVA, Adelia

WHITE				BLACK				
APYZALIEVA, Adelia				Liu, Miao Yan				
FED KGZ				FED CHN				
RESULT (0)				RESULT (0)				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc2	Kc4	41	Qc3	Qb2
2	Kc2	d6	22	CC1	Qb6	42	Kc4	Qb7
3	G3	Kf6	23	Kb1	Kc4	43	Kb2	Qc2
4	ER2	GG	24	Qd3	NC8	44	Qb6	Cd4
5	C3	CE4	25	b3	Kf5	45	Qc7	Kc6
6	J4	Cd	26	CE3	Qd7	46	Qc8	KPK2
7	Cd	Kc6	27	Qd2	Gd7	47	Qb5	Kc4
8	Kb6	Kc6	28	Kb3	b5	48	Rb1	Kc2
9	Q-D	e5	29	Kb4	K5	49	KPK1	Qb1
10	d5	Kc7	30	Kb1	Kb7	50	CC1	Qc1
11	CE3	Kd7	31	Kb2	Qc5	51		
12	NC1	Eb6	32	Kb2	Rd5	52		
13	Kb5	F5	33	CF3	NC8	53		
14	E3	Kc6	34	CC2	Kf1	54		
15	CE3	Qc3	35	CF1	Kb4	55		
16	FE1	AF1	36	Qd1	Kf5	56		
17	Kc3	CC4	37	CA1	Qb4	57		
18	Kc3	Kc3	38	Qc2	CC5	58		
19	Kc3	CC4	39	CC2	Kc3	59		
20	Kc3	CC4	40	Qd3	Qd3	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
APYZALIEVA				LIU MIAOYAN				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				fan				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group G8
Round 9
Date 24.08.24
Board 11

WHITE				BLACK				
APYZALIEVA, Adelia				PED KGZ				
BLACK Liu, Miao Yan				PED CHN				
				RESULT (W) 0				
				RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc2	Nc5	41	Qc3	Qb2
2	Ne2	d6	22	Bc1	Qb4	42	Qb4	Kb2
3	g3	Nf6	23	Kh1	Ne7	43	Kb2	Qc2
4	Bg2	g6	24	Qd3	Kc8	44	Qb6	Bd5
5	c3	Bg7	25	b3	Na5	45	Qc7	Nf6
6	d4	cd	26	Be3	Qa6	46	Qc8	Kb7
7	cd	o-o	27	Qd2	Bd7	47	Qb3	Ng4
8	Nc3	Nc6	28	Na3	b5	48	Kg1	Ne2
9	o-o	e5	29	Nc2	h5	49	Kh1	Qd1
10	d5	Ne7	30	Nd1	Nb7	50	Bg1	Qg1
11	Be3	Nd7	31	Nb4	Qa5	51		
12	Rc1	Nb6	32	Ne5	Nc5	52		
13	Nb5	f5	33	Bf3	Rf8	53		
14	f3	h6	34	Bg2	Rxf4	54		
15	fe	Qb3	35	Bxf1	Nxe4	55		
16	fe	Rxf4	36	Qe1	Nd5	56		
17	Rxf1	Bg4	37	Bxa7	Qb4	57		
18	Nec3	Nec8	38	Qe2	Bc6	58		
19	Na4	Bd7	39	Bg2	Nd3	59		
20	Nc3	Bg4	40	Qd3	Qa3	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
APYZALIEVA				LIU MIAOYAN				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				fan				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.25 Board 12

WHITE				BLACK					
Gua Hezi				Xue Jingwei					
FED CHN				FED CHN					
RESULT (W)				RESULT (B)					
1				0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Nf6	21	Nf6	Bf6	41	Rb6	Kc7	
2	c4	g6	22	Rg8	Kg7	42	Qf6	Ke8	
3	g3	c6	23	Rc8	Nc4	43	Rb7	h9	
4	Bg2	Bd5	24	Rc4	Bb2	44	Qe7#		
5	Nf3	Bg7	25	Rb4	Bc4	45			
6	O-O	a2-a3	26	Rb7	Bf6	46			
7	Ne3	d5	27	Ra7	Kg6	47			
8	Ne5	Nbd7	28	Rd6	h5	48			
9	Nc4	c5	29	e4	g4	49			
10	d5	Nc5	30	e5	g4	50			
11	Qd8	Rd8	31	ef	ef	51			
12	Be3	Nd7	32	Ka9	Kf5	52			
13	Nb5	a6	33	a5	Ke5	53			
14	Nc7	Rb8	34	Rb6	Kf5	54			
15	Ba7	h6	35	a6	KP5	55			
16	Bb8	Nb8	36	a7	Kd5	56			
17	Rfd1	Rd1	37	a8-Q	Ke5	57			
18	Rd1	Nd7	38	Rb4	f5	58			
19	Bb3	g5	39	Qd8	h4	59			
20	Nd5	Ne5	40	Qd4	Ke6	60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
Gua Hezi				Xue Jingwei				Tuan	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/24 Board 12

WHITE				BLACK				
Gua Hezi				Xue Jingwei				
FED				FED				
RESULT (W)				RESULT (B)				
1				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf6	Bf6	41	Rb6	Kc7
2	c4	g6	22	Rd8	kg7	42	Bf6	Ke8
3	g3	c6	23	Rc8	Rc8 Nc4	43	Rb7	hg
4	Bg2	d5	24	Rc4	Bb2	44	Re7f	
5	Nf3	Bg7	25	Rb4	Bc3	45		
6	O-O	O-O	26	Rb7	Rb7 Bf6	46		
7	Nc3	dc	27	Ra7	Kg6	47		
8	Ne5	Nbd7	28	Rd6	h5	48		
9	Nc4	c5	29	Q4	g4	49		
10	dc	Nc5	30	e5	g4	50		
11	Qd8	Rd8	31	Qf	ef	51		
12	Re3	Nd7	32	Ka9	Kf5	52		
13	Nb5	a6	33	a5	Kc5	53		
14	Nc7	Rd8	34	Rd6	Kf5	54		
15	Ba7	h6	35	a6	Ke5	55		
16	Bb8	Nb8	36	a7	Kd5	56		
17	Rfd1	Rd1	37	a8=Q	Ke5	57		
18	Rd1	Nbd7	38	Rb4	f5	58		
19	Bb3	g5	39	d-d8	ha	59		
20	Nd5	Ne5	40	Qd4	Ke6	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
郭何梓				薛静文				
				Tun				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	9
Date	7.15.24 12:13
Board	

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
shanojan, Akshara				Gong, Ziyi Xu				SRT				1			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
Gong, Ziyi Xu				CHN				0							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Ng5	Ng8	41									
2	Nf3	Nf6	22	Rh6	Rh6	42									
3	e3	e6	23	Qe7	B06	43									
4	Bd3	c5	24	Qt6	R97	44									
5	b3	b6	25	Nf3	N94	45									
6	O-O	Bb7	26	N95	Kh6	46									
7	Bb1	Bb6	27	Nf7	Nf7	47									
8	Nd2	O-O	28	Qg5		48									
9	Qe2	Nc6	29			49									
10	a3	a6	30			50									
11	Ne5	Be5	31			51									
12	dxe5	Nh7	32			52									
13	f4	h6	33			53									
14	Qg4	Ne7	34			54									
15	Rf3	g6	35			55									
16	Rh3	Nf5	36			56									
17	Bf5	Qxf5	37			57									
18	Qg3	Kh7	38			58									
19	e6	Nf6	39			59									
20	e7	Qe1	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]				GONG, ZIYI XU				SIL							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G108
Round	09
Date	24/7/2024 12:13
Board	

WHITE				BLACK				FED				RESULT (W)			
Akshara shanojan				Gong, Ziyi Xu				SRT				1			
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B)			
Gong, Ziyi Xu				CHN				0							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Bxf5	exf6	41									
2	Nf3	Nf6	22	Qg3	Kh7	42									
3	e3	e6	23	e6	Nf6	43									
4	Bd3	c5	24	e7	Qxc7	44									
5	b3	b6	25	Qg5	Ng5	45									
6	O-O	Bb7	26	Rxh6	Nxh6	46									
7	Bb1	Bb6	27	Qxc7	Bg6	47									
8	Qg4	Ne7	28	Qf6	Rg2	48									
9	Bb2	Bd6	29	Nf3	Nf4	49									
10	Nbd2	O-O	30	Ng5	Lh6	50									
11	Qe2	Nc6	31	Nxf5	Lh6	51									
12	Qf3	Ne5	32	Qg5		52									
13	Bxf5		33			53									
14	a3	Q6	34			54									
15	Ne5	Bxe5	35			55									
16	dxe5	Nd7	36			56									
17	f4	h6	37			57									
18	Qg4	Ne7	38			58									
19	Rf3	g6	39			59									
20	Rh3	Nf5	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]				GONG, ZIYI XU				[Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/24/2026 Board 14

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Wang Catalina Adelaida		Nha Xuyen		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
1/2		1/2									
1	d4	d4	21	Qf3	b5	41					
2	Nf3	Nf3	22	Ne3	Qb7	42					
3	c3	c3	23	f4	BxR4	43					
4	Bd3	Be7	24	Qg3	c4	44					
5	O-O	O-O	25	fxd6	bxc6	45					
6	b3	c5	26	Bxc6	bxc4	46					
7	Bb2	Nc6	27	Bc1	Bc4b	47					
8	Nc5	Nx+5	28	Qd4	Bc3+	48					
9	dxc5	Na7	29	Bxc3	Qd5	49					
10	f4	Nb6	30	Ba7	Bf5	50					
11	Qe2	Bd7	31	Qf4	QRag	51					
12	Na2	Bc6	32	g4	Ra7	52					
13	c4	Qd7	33	gxf5	Rf7	53					
14	Cxd5	Nxd5	34			54					
15	Nc4	Rd4	35			55					
16	Ra4	Qc7	36			56					
17	e4	Nb4	37			57					
18	A3	Nd3	38			58					
19	Rxd3	Rd3	39			59					
20	Qxd3	Rd3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
AAA		Xuyen		SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/24/2026 Board 14

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Catalina Adekide		Wjin		FED		FED		RESULT (W)		RESULT (B)	
1/2		1/2									
1	d4	d5	21	Qf3	b5	41					
2	Nf3	Nf3	22	Nd3	Qb7	42					
3	e3	e6	23	f5	Bd4	43					
4	Bd3	Be7	24	Qd3	c4	44					
5	O-O	O-O	25	Fe	Fe	45					
6	B3	c5	26	bc	bc	46					
7	Bb2	Nc6	27	BC1	BC5	47					
8	Nd5	Nd5	28	Qd4	Bd3	48					
9	de	Nd7	29	Bd3	Qd5	49					
10	f4	Nb6	30	Bd7	Bf5	50					
11	Qd2	Bd7	31	Qf4	Rd8	51					
12	Na2	Bc6	32	Q4	Rd7	52					
13	c4	Qd7	33	QF	Rf7	53					
14	Cd1	Nd5	34			54					
15	Nc4	Rd8	35			55					
16	Rd4	Qc7	36			56					
17	e4	Nb4	37			57					
18	Q3	Nd3	38			58					
19	Qd3	Rd3	39			59					
20	Qd3	Rd3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
AAA		Wjin		SR							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.24 Board 15

WHITE ZhaYunxi				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Lin, Leyi (GMD) Std 1498				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb5	Nc4	41	1g2	Bd4			
2		d5	22	Qh5	f5	42	1f3	Kg8			
3	Nf3	Nf6	23	Ba7	Qa7	43	Kb4	Bg1			
4		e5	24	Kh1	Nd2	44	h3	Kf7			
5	a3	e5	25	Bf5	off	45	g4	Ke6			
6		Nf3	26	Rfd1	Rc2	46	a6	g6			
7	Rb1	cd	27	Qf5	Qc7	47	h4	Bf2			
8	Nd4	Nf6	28	Qb6	Kh8	48	g5	h5			
9	Qd2	Rd1	29	Rd2	Rd2	49	1f3	Bb6			
10	Rf1	Nd6	30	Qd2	Bf4	50	Ke5	Bg1			
11	Nb6	b6	31	Qd2	Qe5	51	Kf3	Rf5			
12	e4	Qd8	32	Qe5	Be5	52	kg2	Bg6			
13	Bd5	Qd7	33	Rd1	Bb2	53	1f3	Ba7			
14	Bf3	Qd5	34	Qd4	Bb3	54	1g3	Kd4			
15	Qd3	Nc5	35	Rd1	Rb4	55	Kf3	1d4			
16	h4	Nb7	36	Rd1	Bf6	56	Kh2	Kg			
17	Bd3	Nb1	37	Rd1	h4	57	Kg2	Kh4			
18	Nb5	Ba	38	a5	Raf	58	Kh2	1g6			
19	Bf6	Rf6	39	g3	Rd1	59	1g2	Kg			
20	Bd4	Rf6	40	Rd1	Ba1	60	Kd	Kf			
SIGNATURE (WHITE) ZhaYunxi				SIGNATURE (BLACK) Lin, Leyi				SIGNATURE (ARBITER) Tm			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.24 Board 15

WHITE ZhaYunxi				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Lin, Leyi (GMD)				FED CHN				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qb5	Nc4	41	1g2	Bd4			
2	a4	d5	22	Qh5	f5	42	1f3	Kg8			
3	Nc3	Nf6	23	Ba7	Qa7	43	Kb4	Bg1			
4	e5	Nf6	24	Kh1	Nd2	44	h3	Kf7			
5	a3	c5	25	Qf5	Rd1	45	g4	Ke6			
6	Nf3	Nc6	26	Rd1	Rc2	46	a6	g6			
7	Bd5	cd	27	Qf5	Qc7	47	h4	Bf2			
8	Nd4	Nf6	28	Qb6	Kh8	48	g5	h5			
9	Qd2	Rd1	29	Rd2	Rd2	49	1f3	Bb6			
10	Rf1	Nd6	30	Qd2	Bf4	50	Ke5	Bg1			
11	Nb6	b6	31	Qd2	Qe5	51	Kf3	Rf5			
12	e4	Qd8	32	Qe5	Be5	52	kg2	Bg6			
13	Bd5	Qd7	33	Rd1	Bb2	53	1f3	Ba7			
14	Bf3	Qd5	34	Qd4	Bb3	54	1g3	Kd4			
15	Qd3	Nc5	35	Rd1	Rb4	55	Kf3	1d4			
16	h4	Nb7	36	Rd1	Bf6	56	Kh2	Kg			
17	Bd3	Nb1	37	Rd1	h4	57	Kg2	Kh4			
18	Nb5	Ba	38	a5	Raf	58	Kh2	1g6			
19	Bf6	Rf6	39	g3	Rd1	59	1g2	Kg			
20	Bd4	Rf6	40	Rd1	Ba1	60	Kd	Kf			
SIGNATURE (WHITE) ZhaYunxi				SIGNATURE (BLACK) Lin, Leyi				SIGNATURE (ARBITER) Tm			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2024

Board 16

WHITE				BLACK				FED				RESULT (a)			
prdyger Elizaveta				Leevin En Tae				RUS				SGP			
Leevin En Tae				prdyger Elizaveta				SGP				RUS			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	ea	ae	21	ae	ka8	41									
2	da	ds	22	ds	ka8	42									
3	es	bs	23	kh2	RC8	43									
4	ha	h	24	bf6	gc	44									
5	ga	ba	25	gc	ag8	45									
6	eb	ch7	26	ka8	ka8	46									
7	ea	ad6	27	Na4	ka8	47									
8	ef7	ka8	28	Nc3	ka8	48									
9	Bd3	ka8	29	Qe2	ka8	49									
10	ka8	ka8	30	Qd6	ka8	50									
11	ka8	ka8	31	Nb6	ka8	51									
12	ka8	ka8	32	Qf4	ka8	52									
13	ka8	ka8	33	Nc4	ka8	53									
14	ka8	ka8	34	Qf4	ka8	54									
15	ka8	ka8	35	Qd1	ka8	55									
16	ka8	ka8	36	Qe5	ka8	56									
17	ka8	ka8	37			57									
18	ka8	ka8	38			58									
19	ka8	ka8	39			59									
20	ka8	ka8	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
L. Zzi				8				sm							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.21

Board 46

WHITE				BLACK				FED				RESULT (a)			
prdyger Elizaveta				ll Xin En zol				RUS				SGP			
ll Xin En zol				prdyger Elizaveta				SGP				RUS			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	ea	ae	21	ka8	ka8	41									
2	da	ds	22	ka8	ka8	42									
3	es	bs	23	ka8	ka8	43									
4	ha	h	24	ka8	ka8	44									
5	ga	ba	25	ka8	ka8	45									
6	eb	ch7	26	ka8	ka8	46									
7	ea	ad6	27	ka8	ka8	47									
8	ef7	ka8	28	ka8	ka8	48									
9	Bd3	ka8	29	ka8	ka8	49									
10	ka8	ka8	30	ka8	ka8	50									
11	ka8	ka8	31	ka8	ka8	51									
12	ka8	ka8	32	ka8	ka8	52									
13	ka8	ka8	33	ka8	ka8	53									
14	ka8	ka8	34	ka8	ka8	54									
15	ka8	ka8	35	ka8	ka8	55									
16	ka8	ka8	36	ka8	ka8	56									
17	ka8	ka8	37	ka8	ka8	57									
18	ka8	ka8	38	ka8	ka8	58									
19	ka8	ka8	39	ka8	ka8	59									
20	ka8	ka8	40	ka8	ka8	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
L. Zzi				8				sm							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	9
Date	24/07
Board	17

WHITE Vera Xu				FED NZL	RESULT (W)
BLACK Tod-Erdene				FED HGI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	E5	21	QF2	D41
2		R546	22		R4 Be
3	B2	B5	23	Q4e	Re5
4		C3 d6	24	B41 R65	
5	d4	Qd	25	R6	Re5
6		Qd B6	26	QF5 R7	
7	O-O	h6	27	Re4	O5
8		Q R5	28	Re5 Qd7	
9	Qd3	B5h	29	Q4f	Re5
10		B5 O-O	30		Q4h R65
11	B62	Qd	31	Q46	Re7
12		O5 Qd1	32		Rf1 Qd1
13	h3	B4h	33	Qd1	Re5
14		Q4h R65	34	Q45 R65	
15	N4h	Q4h	35	B5	KF5
16		Qd B6	36	Q47 K58	
17	Q62	N42	37	Q45	K67
18		Q46 R5	38	Q47 K58	
19	Q4	R65	39	Q47	d4
20		h3 B4	40	R6 K58	
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Vera Xu		Tod-Erdene		S. n	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	9
Date	24/07
Board	17

WHITE Xu				FED NZL	RESULT (W)
BLACK Tod-Erdene				FED HGI	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Q4	C5	21	QF2	N41
2		NF3	22	Q41	F2
3	B4	B5	23	Qd1	R5
4		C3	24	Bd4	Re5
5	d4	E4	25	F46	R4h R65
6		Qd B6	26	Q45	Re7
7	O-O	h6	27	R4h	C5
8		Q3	28	R45	Qd7
9	N6	B44	29	Q45	Re5
10		B63	30	F9	Q45
11	B62	d5	31	Q46	Re7
12		P5	32	Rf1	Qd1
13	h3	B45	33	Kf1	Re5
14		N44	34	Q4h	KF7
15	N66	Q6	35	Q8-B+	R48
16		N4d2	36	Q4h	KF8
17	Q62	N42	37	KF5	KF2
18		Qd2	38	Q4h	KF8
19	f4	N45	39	Q47	d4
20		f4	40	Bd6	Re8
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Vera Xu		Tod-Erdene		S. n	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G8
Round 9
Date 2026.7.24
Board 18

WHITE Oh, Yeran				FED KOR				RESULT (W)			
BLACK Wu Wanying				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g5	ed	41	Kb1	b3			
2		Nf3 e4	22		gf	42	Kc1	Bd4			
3		d4 c4	23		Qd2 Qd2	43	h4	b2			
4		Nd4 Nf6	24		Kxg7 Bb6	44	Kb1	Rh1			
5		Nc3 Nb6	25		fg Nb3	45	Ka2	b1=a			
6		Bc3 Bb4	26		Re1 Qf2	46	Ka3	Rb2			
7		Bd3 O-O	27		Rd4 Nc4	47	h5	Ra2#			
8		O-O d5	28		Rd4 Rf7	48					
9		Bd4 e4	29		Rd4 Rf7	49					
10		a3 Bb5	30		Re1 Rd4	50					
11		a4 Bf7	31		Kh1 Rb2	51					
12		Bd3 Bc7	32		Re1 Bc5	52					
13		f4 Re3	33		Re5 Bb3	53					
14		a4 Re3	34		(Re5) Bb4 Rd1	54					
15		a4 Re3	35		Bf4	55					
16		Kh1 Bb6	36		Kd1 Bb3	56					
17		a4 Bb6	37		Kd1 Bb3	57					
18		h3 Bf5	38		Kd1 Bb3	58					
19		g4 Bb4	39		Kd1 Bb3	59					
20		Nc4 d5	40		Kd1 Bb3	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Rust</i>				SIGNATURE (BLACK) Wu Wanying				SIGNATURE (ARBITER) <i>Fun</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group G08
Round 9
Date 7/24
Board 18

WHITE Oh, Yeran				FED KOR				RESULT (W)			
BLACK Wu Wanying				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g5	exf3	41	Kb1	b3			
2		Nf3 e4	22		Qxf6 Qd5+	42	Kc1	Bd4			
3		d4 c4	23		Qd2 Qd2	43	h4	b2			
4		Nd4 Nf6	24		Kxg2 dxc2	44	Kb1	Rh1			
5		Nc3 Nb6	25		fxg6 Re1 Nb3	45	Ka2	b1=Q			
6		Bc3 Bb4	26		Cl=Qd2 Rxc1	46	Ka3	Rh2			
7		Bd3 O-O	27		Nxc1 Rxc1	47	h5	Ra2#			
8		O-O d5	28		Kxc1 Bb1	48					
9		Bd4 e4	29		Rd8 Rf1	49					
10		a3 Bb5	30		Rd2 Rf1	50					
11		a4 Bf7	31		Rxb2 Rf1	51					
12		Bd3 Bc7	32		Bb5	52					
13		f4 Re3	33		Re5 Bb3	53					
14		a4 Re3	34		Re5 Bb3	54					
15		a4 Re3	35		Rxa7 Bxf7	55					
16		Kh1 Bb6	36		Kd1 Bb3	56					
17		a4 Bb6	37		Kd1 Bb3	57					
18		h3 Bf5	38		Kd1 Bb3	58					
19		g4 Bb4	39		Kd1 Bb3	59					
20		Nc4 d5	40		Kd1 Bb3	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Rust</i>				SIGNATURE (BLACK) Wu Wanying				SIGNATURE (ARBITER) <i>Fun</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 19

WHITE Gulomova Farzona				1479				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Zhang zhixian				0				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	0-0	Bb5	41									
2	Nf3	Nc6	22	Nh4	Bg2	42									
3	Bc4	Nf6	23	Kg2	Rd4	43									
4	Ng5	d5	24	Be3	Rdd6	44									
5	exd5	Na5	25	Rb1	Rb8	45									
6	Bb5	c6	26	Ne2	c5	46									
7	dc	bc	27	Bb4	Qc6+	47									
8	Be2	h6	28	f3	Rb1	48									
9	Nf3	e4	29	Rb1	c4	49									
10	Ng1	Be7	30	Bf5	Re2+	50									
11	d3	ed	31	kg1	Qc5+	51									
12	Qd3	Qc7	32	kh1	Qf5	52									
13	Bd2	Nb7	33			53									
14	h3	Beb	34			54									
15	Nc3	Rd8	35			55									
16	Qa6	Nc5	36			56									
17	Qa3	Nd3	37			57									
18	Bd3	Qa3	38			58									
19	ba	0-0	39			59									
20	Nf3	Rfe8	40			60									
SIGNATURE (WHITE) Gulomova Farzona				SIGNATURE (BLACK) Zhang zhixian				SIGNATURE (ARBITER) Tm							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date Board 19

WHITE Gulomova Farzona				1479				FED UZB				RESULT (W) 0			
BLACK Zhang zhixian				0				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	00	CP5	41									
2	Kf3	Kc6	22	Ko4	Cg2	42									
3	Qa4	Kf6	23	kg2	jd4	43									
4	Qg5	D5	24	Le3	ld8	44									
5	ep	Rad5	25	ldg1	dp88	45									
6	CP5+	C6	26	Kc2	c5	46									
7	pc	Bc	27	Cf4	Qc6	47									
8	CL2	h6	28	F3	ldg1	48									
9	Kf3	Q	29	ldg1	Q	49									
10	kg1	Cd4	30	Cf5	ld2+	50									
11	D3	ed	31	Kp81	Qc5+	51									
12	Qp3	Qc7	32	Kp81	Qp5	52									
13	CDL	KD4	33			53									
14	h3	CL6	34			54									
15	Kc3	ldd	35			55									
16	Qd6	Kc5	36			56									
17	Qd3	Kd3	37			57									
18	CP3	CL3	38			58									
19	Bd	0-0	39			59									
20	Kf3	ldd	40			60									
SIGNATURE (WHITE) Gulomova Farzona				SIGNATURE (BLACK) Zhang zhixian				SIGNATURE (ARBITER) Tm							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.08

Group G8
Round 9
Board 20

WHITE		PRAGNICA VAKA LAKSHMI				IND		RESULT (W)	
BLACK		Nuralieva Safiya				UZB		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	d6	21	Qd4	Qf7	41	Nxa4	Kxa4	
2	d4	d5	22	Nb6	Qf8	42	Ke5	Ka5	
3	e5	e5	23	Qf8	Qf8	43	d5	Ka6	
4	c3	Kc6	24	Ka17	Kb3	44	Kc6	Ka7	
5	Kf3	f6	25	Lb2	Lb2	45	Ke7	Ka6	
6	c5	f2	26	u45	lb2	46	d6	Kd7	
7	Ke5	Ke7	27	Kd5	Rg6	47	d6	Ka7	
8	c4	c6	28	Ke6	Lj2	48	d7	Ka7	
9	0-0	Kf6	29	u5	Kf5	49	Kd8	Kc7	
10	cg3	g-0	30	Kf2	Kf1	50	Kd6	Ka8	
11	Kc6	bc	31	Kd5	Kf3	51	d6	Ka8	
12	ca4	Ked	32	Kc5	g5	52	g26		
13	Kd2	Kg3	33	Kf2	Kf6	53			
14	fg	cb7	34	h5	Kf6	54			
15	fe2	g5	35	g6	h4	55			
16	ee	h1	36	Kf6	Ka6	56			
17	ce6	g6	37	6Ka4	h	57			
18	Kg1	g6	38	Ke5	g6	58			
19	g1	Kb7	39	Kc5	g6	59			
20	g1	g1	40	L4 Kd6	a4	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7/20

Group G8
Round 9
Board 20

WHITE		PRAGNICA VAKA		IND		2017/2020		
BLACK		Nuraliyeva Safiya		UZB		RESULT (W)		
						RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qd4	Qd6	21	Qd6	cx4	41	Nxa4	Kxa4
2	d4	d5	22	cx4	46	42	Kc5	Ka5
3	e5	Qd5	23	Qd7	46	43	Kd5	Ka6
4	c3	Nc6	24	Qd8	46	44	Kc6	Ka7
5	Nb3	f6	25	Rx8	45	45	Kc7	Ka6
6	g5	cx5	26	Nb3	45	46	d6	Ka7
7	Nc5	Qc7	27	Kd8	45	47	d7	Ka6
8	Qd4	Qd6	28	Kd5	46	48	d8=Q	Ka7
9	O-O	Nf6	29	Nd5	45	49	Qd6	Ka8
10	Bg3	O-O	30	Nd6	44	50	Qd6	Ka8
11	Nxc6	61	31	Rd5	45	51		
12	Bd4	Ne4	32	Nd5	Kf5	52		
13	Nd2	Ng3	33	Kf2	Kd4	53		
14	fxg3	52	34	Nb3	Kd5	54		
15	Qd2	Qd5	35	Ke3	Kd4	55		
16	Bxc6	47	36	Nc5	a5	56		
17	Rd4	47	37	Kd4	h5	57		
18	Qd6	48	38	Ke5	g6	58		
19	Qd6	48	39	n4	Kb5	59		
20	Bxc6	49	40	Kd6	g4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

24/7/26

Board

21

Group

68

Round

9

WHITE				BLACK				FED				RESULT (a)			
Sethumso, E.M. Thiruli				Muhd Amirul Izzat Aisyah Azzahra				SRI				1			
								MAS				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Rxg6	fxg6	41									
2	Nc3	Nf6	22	Rxg6	Rxf8	42									
3	g3	Nc6	23	Rxf8	Qxc8	43									
4	Bg2	Bc5	24	Qxc8	Rxf8	44									
5	Nf3	d6	25	Qxc8	Rxf8	45									
6	O-O	O-O	26	Qxc8	Rxf8	46									
7	d3	h6	27	Qxc8	Rxf8	47									
8	Nd5	Be6	28	Qxc8	Rxf8	48									
9	c4	Ne7	29	Qxc8	Rxf8	49									
10	NxNf6	gxNf6	30	Qxc8	Rxf8	50									
11	Bxh6	Re8	31	Qxc8	Rxf8	51									
12	Nh4	Ng6	32	Qxc8	Rxf8	52									
13	Nf5	Qd7	33	Qxc8	Rxf8	53									
14	Qh5	Ra18	34	Qxc8	Rxf8	54									
15	Be3	Bxe3	35	Qxc8	Rxf8	55									
16	fxh3	BxNf5	36	Qxc8	Rxf8	56									
17	RxBf5	Qe6	37			57									
18	Raf1	Qe7	38			58									
19	Rxf6	Rf8	39			59									
20	Qg5	kg7	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Randy				Randy				Fau							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.07.24

Board

21

Group

68

Round

9

WHITE				BLACK				FED				RESULT (a)			
Sethumso E.M. Thiruli				Muhd Amirul Izzat Aisyah Azzahra				Sri				1			
								Mas				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Rxg6	fxg6	41									
2	Nc3	Nf6	22	Qxe7	kg8	42									
3	g3	Nc6	23	Rxf8	Rxf8	43									
4	Bg2	Bc5	24	Qxc7	Rf7	44									
5	Nf3	d6	25	Qxd6	kg7	45									
6	O-O	O-O	26	Qxe5	kg8	46									
7	d3	h6	27	Bh3	kf8	47									
8	Nd5	Be6	28	d4	Re7	48									
9	c4	Ne7	29	Qxe7	kxe7	49									
10	Nxf6	gxNf6	30	d5	kd6	50									
11	Bxh6	Re8	31	kf2	kc5	51									
12	Nh4	Ng6	32	e5	kxc4	52									
13	Nf5	Qd7	33	d6	kd5	53									
14	Qh5	Ra48	34	d7	kxe5	54									
15	Be3	Bxe3	35	d8=Q	ket	55									
16	fxh3	BxNf5	36	Qd4+		56									
17	RxNf5	Qe6	37			57									
18	Raf1	Qe7	38			58									
19	Rxf6	Re58	39			59									
20	Qg5	kg7	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Randy				Randy				Fau							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

Group

Round

Board

WHITE Lin, Yong-Qian				FED TPE				RESULT (W)			
BLACK Alesha mahawira				FED INA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kxh1	Rh8	41					
2	Nf3	Nf6	22	kg1	Bd6	42					
3	Nxe5	d6	23	f5	kb8	43					
4	Nf3	Nxe4	24	Bg5	Rh5	44					
5	d4	d5	25	Bd2	gxf3	45					
6	Bd3	Bg4	26	Qb3	ft	46					
7	h3	Bh5	27	h3 f3	Qh3	47					
8	O-O	Nc6	28	Kt2	Qh2	48					
9	c4	Be7	29	Ke1	Qh1	49					
10	Qc2	Bxf3	30	Ng1	Qxg1	50					
11	gxf3	Nf6	31	Bf1	Rh2	51					
12	Nc3	Rg8	32	a3	Qf2	52					
13	Bxh7	Rh8	33	Kd1	Qxd2	53					
14	Bf5	g6	34			54					
15	Bd3	Rxh3	35			55					
16	cxg5	Nxd5	36			56					
17	Kg2	Rh8	37			57					
18	Ne2	Qd7	38			58					
19	Rh1	O-O	39			59					
20	f4	Rxh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (BLACK) A				SIGNATURE (ARBITER) J			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board

Group

Round

Board

WHITE lin				FED tPe				RESULT (W)			
BLACK Alesha mahawira				FED /a				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kxh1	Rh8	41					
2	Nf3	Nf6	22	kg1	Bd6	42					
3	Nxe5	d6	23	f5	kb8	43					
4	Nf3	Nxe4	24	Bg5	Rh5	44					
5	d4	d5	25	Bd2	gxf3	45					
6	Bd3	Bg4	26	Qb3	f9	46					
7	h3	Bh5	27	f3	Qh3	47					
8	O-O	Nc6	28	Kf2	Qh2	48					
9	c4	Be7	29	Ke1	Qh1	49					
10	Qc2	Bxf3	30	Ng1	Qxg1	50					
11	gxf3	Nf6	31	Bf1	Rh2	51					
12	Nc3	Rg8	32	a3	Qf2	52					
13	Bxh7	Rh8	33	Kd1	Qxd2	53					
14	Bf5	g6	34			54					
15	Bd3	Rxh3	35			55					
16	cxg5	Nxd5	36			56					
17	Kg2	Rh8	37			57					
18	Ne2	Qd7	38			58					
19	Rh1	O-O	39			59					
20	f4	Rxh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Lin, Yong-Qian				SIGNATURE (BLACK) A				SIGNATURE (ARBITER) J			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



24/11/2026

23

WHITE Chernogradova Serafima				FED RUS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Teerata Kasemsup				FED THA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxg4	Rf4	41					
2	Nf3	d6	22	Rx1	Bxh2	42					
3	Bc4	eg	23	Rx1	Bxh2	43					
4	NC3	Nf6	24	Rg3	Qc7	44					
5	d4	cxg4	25	Qg4	f5	45					
6	Qxd4	Nc6	26	Qxh1	f4	46					
7	Bd5	Bc7	27	Rc3	Qf4	47					
8	Qd4	Be7	28	f3	Qf5	48					
9	0-0	0-0	29	Kg1	Qh4	49					
10	Re1	ag	30	Qd7	Qd4	50					
11	Bxc6	Bxc6	31	Kh2	Qh4	51					
12	eb	Ng4	32	Kg1		52					
13	Qf4	dxg5	33			53					
14	Qc4	ext4	34			54					
15	Qxf4	Nf6	35			55					
16	Re3	Bxf3	36			56					
17	Rxf3	Baf6	37			57					
18	Qh4	Qd7	38			58					
19	Rh3	Ng6	39			59					
20	Nc4	Nxc3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) 45				SIGNATURE (BLACK) Teerata				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



24.07.2026

23

WHITE Kasemsup, Teerata				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Chernogradova, Serafima				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc4	Nd8	41					
2	Kf3	d6	22	Ad1	ch2f	42					
3	CC4	eb	23	Kph2	QC7	43					
4	KC3	Kf6	24	Ng3	Ad4	44					
5	d4	cd	25	Qg4	f5	45					
6	Qd4	KC6	26	Qd4	f4	46					
7	Cd5	Cd7	27	NC3	Qd5	47					
8	Qd3	Cd7	28	f3	Ph5+	48					
9	0-0	0-0	29	Kg1	Qh4	49					
10	Ac1	Ae6	30	Qd7	Pe1+	50					
11	CC6	CC6	31	Kph2	Ph1+	51					
12	eb	Kg4	32	KPg2		52					
13	Cf4	de	33			53					
14	QC4	ef	34			54					
15	Qf4	Kf6	35			55					
16	Ac3	Cf3	36			56					
17	Nf3	Cd6	37			57					
18	Qh4	Qd7	38			58					
19	Ac3	h6	39			59					
20	Ke4	Ke4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) 45				SIGNATURE (BLACK) Teerata				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1220

Group **G-8**

Round **9**

SHENZHEN
深圳棋协

WHITE **Le Y e n A O**

BLACK **Huang Yuxia**

Date **2026.7.24**

Board **24**

FED **RUS** ZZO.3.7 (F) **0**

FED **CHN** ZZO.3.7 (B) **1**

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rb8	Nb3	41	Rd1	Kg6
2	Nf3	Nf6	22	Bcd5	Bc4	42	Kg6	Ne5
3	Bg5	e6	23	Be4	Bd3	43	Kt6	Nd3
4	e3	Be7	24	Bd3	Bxf3	44	Bb6	Rf1
5	Nd4	Nd2	25	gxf3	gxf3	45	Ke7	
6	o-o	c4	26	Qd5	Be4	46		
7	xc6	dBd3	27	Nxe4	gxe4	47		
8	h6	Bh4	28	Qxe4	Rel	48		
9	Nd7	o-o	29	Qg4	Kt1	49		
10	c5	Qc2	30	Bd6	Rg1	50		
11	b6	Rc1	31	Rd1	Qt4	51		
12	Bd7	Bb7	32	Rd2	Qxd4	52		
13	Rd1	Rtd1	33	Nxd4	Rxb1	53		
14	Rc8	Bxf6	34	Rg1	Rg1	54		
15	Nxf6	b3	35	Kxg1	Rb8	55		
16	Cxd4	exd4	36	Rc1	Rb2	56		
17	b5	Qb1	37	Rc8	Kh7	57		
18	Ra3	Rc2	38	Rd8	NBc5	58		
19	bxc4	bxd4	39	Nc6	Bxf2	59		
20	Bc6	Cxd4	40	Kh1	Rxe2	60		

SIGNATURE (WHITE)

AO

SIGNATURE (BLACK)

黄宇霞

SIGNATURE (ARBITER)

Jin

chess

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group **98**
Round **9**
Board **25**

White: **Nishitha, Gajula** FED **AUS** RESULT (W) **1**
Black: **Alisha, Haider** FED **BAN** RESULT (B) **0**

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21			41		
2	Nf3	Nc6	22			42		
3	Bb4	Bb5	23			43		
4	L4	BxL4	24			44		
5	c3	bcl	25			45		
6	d4	exd5	26			46		
7	O-O	Lxc3	27			47		
8	Lxf3	Kxf7	28			48		
9	Qd5+	Ke8	29			49		
10	Qh5+	Kf8	30			50		
11	Qxc5+	Ke8	31			51		
12	Qxc3	Qd6	32			52		
13	Qxg7	Qf6	33			53		
14	Lxc2	Qxg7	34			54		
15	Lxg7	Bxg7	35			55		
16	Nf6	Lxh6	36			56		
17	Nxe4	Rd1	37			57		
18	Bf5	Nc3	38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE) **Nishitha** SIGNATURE (BLACK) **Alisha** SIGNATURE (ARBITER) **Fun**

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group **98**
Round **9**
Board **25**

White: **Gajula, Nishitha** FED **AUS** RESULT (W) **1**
Black: **Alisha, Haider** FED **BAN** RESULT (B) **0**

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21			41		
2	Nf3	Nc6	22			42		
3	Bc4	Bc5	23			43		
4	b4	Bxb4	24			44		
5	Bc5	d4	25			45		
6	Xd4	O-O	26			46		
7	Xc3	Bd7	27			47		
8	Bxf7	Kxe7	28			48		
9	Qd5	Ke8	29			49		
10	Qh5	Kf8	30			50		
11	Qxc5	Ke8	31			51		
12	Qc3	d6	32			52		
13	Qxg6	Qf6	33			53		
14	Bb2	Qxg7	34			54		
15	Bg7	Nf6	35			55		
16	Bxh8	Nxe7	36			56		
17	Re1	Bf5	37			57		
18	Nc3		38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE) **Nishitha** SIGNATURE (BLACK) **Alisha** SIGNATURE (ARBITER) **Fun**

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24.2.26 Board 26

WHITE Xu, Lezhi				BLACK Yathaw				RESULT (W)			
FED				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	a4	Ra5	41	Ra5				
2	Nf3	Nc6	22	b4	Rc4	42					
3	Bc4	Bc5	23	Nxa4	Qa7	43					
4	c3	Nf6	24	Nc6	Re6	44					
5	d4	Bd4	25	Bxc7	Qxa7	45					
6	B5	d5	26	AC8+	Re8	46					
7	Bb5	Nc4	27	Bxc8	Qxe8	47					
8	g4	Bb4+	28	b3	h6	48					
9	Nd2	Nxd2	29	Ra1	Qd7	49					
10	Bxb2	Bxd2	30	Qd2	Be6	50					
11	Qxd2	O-O	31	Qxa7	Qxa7	51					
12	Bxb6	Bxc6	32	Kf7	Kf7	52					
13	Rc1	Bd7	33	f5	f6	53					
14	O-O	Re8	34	Rxf6	Bc8	54					
15	Ne1	Rb8	35	Rxa7	Kf8	55					
16	Rd3	Rb6	36	Ra7	Be6	56					
17	Nc5	Re7	37	b6	Bc6	57					
18	b3	Bc8	38	R7	Bc6	58					
19	Rd3	Re5	39	Qb2	Bg8	59					
20	Rc1	Bf5	40	Qxb7	Bh7	60					
SIGNATURE (WHITE) Xu, Lezhi				SIGNATURE (BLACK) Yathaw				SIGNATURE (ARBITER) Fair			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.24 Board 26

WHITE Xu, Lezhi				BLACK Yathaw Htet ko				RESULT (W)			
FED CHN				FED MYA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	a4	Ra5	41	Ra5				
2	Nf3	Nc6	22	b4	Rc4	42	Rc4				
3	Bc4	Bc5	23	Nxa4	Qa7	43					
4	c3	Nf6	24	Nc6	Re6	44					
5	d4	Bd4	25	Bxc7	Qxa7	45					
6	B5	d5	26	RC8+	Re8	46					
7	Bb5	Nc4	27	Rxe8	Qxe8	47					
8	Cxd4	Bb4+	28	h3	h6	48					
9	Nd2	Nxd2	29	Ra1	Qd7	49					
10	Bxd2	Bxd2	30	Qa2	Be6	50					
11	Qxd2	O-O	31	Qxa7	Qxa7	51					
12	Bxb6	Bxc6	32	Rxa7	Kf7	52					
13	Rc1	Bd7	33	b5	f6	53					
14	O-O	Re8	34	Rxf6	Bc8	54					
15	Ne1	Rb8	35	Rxa7	Kf8	55					
16	Nd3	Rb6	36	Ra7	Be6	56					
17	Nc5	Re7	37	b6	Bc6	57					
18	b3	Bc8	38	f7	Be6	58					
19	Rc3	Rb5	39	f8=Q	Bg8	59					
20	Rf1	Bf5	40	Qxb7	Bh7	60					
SIGNATURE (WHITE) Xu, Lezhi				SIGNATURE (BLACK) Yathaw				SIGNATURE (ARBITER) Fair			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24/11/2024

Group 61

Round 9

Board 27

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Saïdakramzoda, Bista				FED TJK				RESULT (W)				0			
Nguyen Xuan Hoa				FED AUS				RESULT (B)				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21	Qd2	Qd2	41									
2	Bc4	d5	22	Kb2	b6	42									
3	exd5	cxds	23	Rxb8	Rxb8	43									
4	Bb5	Bd7	24	Kb1	Bg5	44									
5	Bc2	e5	25	N14	Bc4	45									
6	Bh5	Nf6	26	Kd1	Rd2	46									
7	d3	d4	27	Rb1	Rb1	47									
8	Bg5	Nd6	28	Kxb1	Rxf2	48									
9	c3	Bc7	29			49									
10	Bb3	Nd5	30			50									
11	Bc7	Qc7	31			51									
12	Qd1	Nf6	32			52									
13	Nd2	g5	33			53									
14	Ne1	Rac8	34			54									
15	Ne7	Nd4	35			55									
16	dxc4	Bg4	36			56									
17	h3	Bh5	37			57									
18	Qc2	Rc8	38			58									
19	Qc3	dxc4	39			59									
20	Bc7	Qc7	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
J. U. A.				J. U. A.				J. U. A.							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24/11/2024

Group 69

Round 9

Board 27

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Z. I. A. K. I. M. Z. B. O. O. U. J. K.				FED TJK				RESULT (W)				0			
H. A. N. N. G. U. K. E. H. Y. W. A. N. T. H. O. U. A. U. Z.				FED AUZ				RESULT (B)				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	c6	21	Kb2	h6	41									
2	Bc4	d5	22	Qd8	Qd8	42									
3	exd5	cxds	23	Kb1	Qc9	43									
4	Bb5	Bd7	24	Kb1	Qc4	44									
5	Bc2	e5	25	Kb1	Qc4	45									
6	Bh5	Nf6	26	Qb1	Kb1	46									
7	d3	d4	27	LF2		47									
8	Qc5	Kf6	28			48									
9	c3	Qc4	29			49									
10	Qb3	Kf5	30			50									
11	Qc4	Qc4	31			51									
12	Qd1	Kf6	32			52									
13	Kd2	Qc4	33			53									
14	Kc4	Kf3	34			54									
15	Ke1	Qc4	35			55									
16	Qc4	H3	36			56									
17	Qc4	Qc4	37			57									
18	b-c-b-c		38			58									
19	Qc4	Qc4	39			59									
20	Qc4	Qc4	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
J. U. A.				J. U. A.				J. U. A.							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.24 Board 28

Group 98
Round 9

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Li Song Mei				N9, Yan Ning				CHN				SGP			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21				41				61			
2				22				42				62			
3				23				43				63			
4				24				44				64			
5				25				45				65			
6				26				46				66			
7				27				47				67			
8				28				48				68			
9				29				49				69			
10				30				50				70			
11				31				51				71			
12				32				52				72			
13				33				53				73			
14				34				54				74			
15				35				55				75			
16				36				56				76			
17				37				57				77			
18				38				58				78			
19				39				59				79			
20				40				60				80			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Li Song Mei				Jas				Zin							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24 Jul Board 28

Group 98
Round 9

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Li Song Mei				N9, Yan Ning				CHN				SGP			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21				41				61			
2				22				42				62			
3				23				43				63			
4				24				44				64			
5				25				45				65			
6				26				46				66			
7				27				47				67			
8				28				48				68			
9				29				49				69			
10				30				50				70			
11				31				51				71			
12				32				52				72			
13				33				53				73			
14				34				54				74			
15				35				55				75			
16				36				56				76			
17				37				57				77			
18				38				58				78			
19				39				59				79			
20				40				60				80			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Li Song Mei				Zin				Zin							